

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI TIỀN LĂNG
Địa chỉ: Thị trấn Tiên Lăng, huyện Tiên Lăng,
TP. Hải Phòng

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		92.723.016.520	98.390.394.866
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.713.653.344	4.310.563.346
1. Tiền	111		1.356.906.460	310.563.346
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.356.746.884	4.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		70.000.000.000	90.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	70.000.000.000	90.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.346.892.326	3.448.872.705
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	377.349.000	246.118.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	8.396.000.000	8.918.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.573.543.326	3.193.836.705
IV. Hàng tồn kho	140		630.164.992	564.480.618
1. Hàng tồn kho	141	V.6	630.164.992	564.480.618
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		32.305.858	66.478.197
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7a	32.305.858	66.478.197
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		153.903.168.100	119.789.554.866
I. Tài sản cố định	220		153.699.550.801	119.609.796.899
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	153.699.550.801	119.609.796.899
- Nguyên giá	222		174.957.729.309	139.687.901.907
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.258.178.508)	(20.078.105.008)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		104.126.383	104.126.383
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	104.126.383	104.126.383
III. Tài sản dài hạn khác	260		99.490.916	75.631.584
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	99.490.916	75.631.584
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		246.626.184.620	218.179.949.732

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.325.007.815	3.671.319.442
I. Nợ ngắn hạn	310		9.325.007.815	3.671.319.442
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.705.780	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7b	94.909.954	62.977.404
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	8.358.215.491	3.102.156.611
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		26.361.361	4.400.000
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		842.815.229	501.785.427
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		237.301.176.805	214.508.630.290
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	237.104.827.088	214.312.280.573
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		236.824.685.892	214.083.462.671
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		280.141.196	228.817.902
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		280.141.196	228.817.902
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		196.349.717	196.349.717
1. Nguồn kinh phí	431		196.349.717	196.349.717
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		246.626.184.620	218.179.949.732

Dung

HN



Nguyễn Thị Thùy Dung
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hường
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hải
Chủ tịch Công ty

Ngày 26 tháng 06 năm 2019

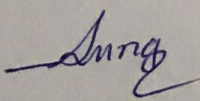
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI TIỀN LĂNG
Địa chỉ: Thị trấn Tiên Lăng, huyện Tiên Lăng,
TP. Hải Phòng

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành kèm theo
Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

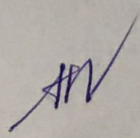
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		27.645.695.238	26.747.584.541
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	27.645.695.238	26.747.584.541
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	32.171.656.259	27.929.053.438
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(4.525.961.021)	(1.181.468.897)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.847.547.066	3.429.491.982
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	2.257.939.259	2.018.996.824
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		63.646.786	229.026.261
11. Thu nhập khác	31	VI.5	290.906.361	63.826.707
12. Chi phí khác	32		3.501.322	5.464.472
13. Lợi nhuận khác	40		287.405.039	58.362.235
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		351.051.825	287.388.496
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	70.910.629	58.570.594
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		280.141.196	228.817.902


Nguyễn Thị Thùy Dung
Người lập biểu

Ngày 26 tháng 06 năm 2019


Nguyễn Thị Hường
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Hải
Chủ tịch Công ty

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI TIỀN LĂNG**

Địa chỉ: Thị trấn Tiên Lăng, huyện Tiên Lăng,
TP. Hải Phòng

Mẫu số B 03 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	27.810.619.695	26.511.805.964
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(31.611.320.888)	(12.529.962.427)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(13.145.499.000)	(11.802.473.000)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(58.570.594)	(30.810.549)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.286.858.505	8.776.385.496
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(9.435.575.165)	(14.832.996.551)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.153.487.447)	(3.908.051.067)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.911.263.000)	(810.596.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(211.500.000.000)	(90.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	231.500.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.467.840.445	239.616.982
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	25.556.577.445	(90.570.979.018)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	92.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	92.500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	6.403.089.998	(1.979.030.085)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.310.563.346	6.289.593.431
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	10.713.653.344	4.310.563.346

Nguyễn Thị Thùy Dung

Nguyễn Thị Thùy Dung
Người lập biểu

Ngày 26 tháng 06 năm 2019

Nguyễn Thị Hương

Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hải
Chủ tịch Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi Tiên Lăng (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty TNHH Một thành viên được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty Khai thác Công trình thủy lợi Tiên Lăng theo Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 06 tháng 07 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng. Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200325622 đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 07 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 06 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 106.000.000.000 đồng. Theo Quyết định số 3338/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2016 về việc phê duyệt điều chỉnh vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Tiên Lăng, số vốn điều lệ Công ty là 246.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 182 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 174 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018 của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, Chi tiết: Nạo vét sông, ngòi, đắp đê, làm kè, sửa chữa các công trình kỹ thuật công nghiệp, giao thông, thủy lợi, tiêu thoát nước;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Vận hành hệ thống thủy lợi tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: Gia công các sản phẩm cơ khí;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: Lắp đặt máy móc thiết bị;
- Thoát nước và xử lý nước thải, chi tiết: thoát nước;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, tiêu thoát nước;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí, chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, thủy lợi;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát thiết kế công trình thủy lợi, tư vấn đầu thầu xây lắp công trình thủy lợi; tư vấn các phương pháp tưới tiêu khoa học, giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi; tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế công trình thủy lợi; Tư vấn lập tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán công trình xây dựng; tư vấn thẩm tra tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán công trình xây dựng, tư vấn thẩm tra tính hiệu quả và khả thi của dự án, tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn lập hồ sơ dự án đầu tư, tư vấn quản lý các dự án (nhóm B); tư vấn lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu các công trình xây dựng; tư vấn lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình; Dịch vụ tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế công trình thủy lợi.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác, xây dựng các công trình trong hệ thống; quản lý vốn và thủy lợi phí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình bao gồm các công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ nếu có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Đối với các công trình nạo vét kênh, sửa chữa nâng cấp cống theo Quyết định giao của Ủy ban Nhân dân huyện Tiên Lãng bằng nguồn ngân sách không bao gồm nguồn cấp bù miễn thủy lợi phí, khi hoàn thành được Sở Tài chính thẩm định, sẽ ghi nhận doanh thu và giá vốn, đồng thời ghi tăng nguyên giá đối với các dự án sửa chữa nâng cấp kênh cống theo chi phí đã tập hợp và tăng nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Nghị định 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2018 quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06-25
Máy móc, thiết bị	06-10
Phương tiện vận tải	10

Công ty đang thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài Chính. Theo đó, các tài sản thuộc các loại sau không phải trích khấu hao:

- Tài sản được xây đúc bằng bê tông và bằng đất của các công trình trực tiếp phục vụ tưới tiêu;
- Máy bơm nước từ 8000m³/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Đối với hoạt động công ích doanh thu được xác định và ghi nhận theo số ghi thu thủy lợi phí trong năm trên cơ sở của các khoản thủy lợi phí mà Ngân sách cấp.

Ghi nhận vào doanh thu trong năm tài chính là số tiền thủy lợi phí thực tế được Ngân sách cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Hoạt động công ích

Đối với hoạt động công ích Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hoạt động ngoài công ích

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành là 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIỀN LĂNG**

Địa chỉ: Thị trấn Tiên Lăng, huyện Tiên Lăng,
TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	113.146.000	87.004.528
Tiền gửi ngân hàng	1.243.760.460	223.558.818
Các khoản tương đương tiền	9.356.746.884	4.000.000.000
Cộng	10.713.653.344	4.310.563.346

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng số 008/2018 ngày 12 tháng 7 năm 2018, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 7,65%/năm. Số dư tiền gửi tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 70.000.000.000 đồng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Hợp tác xã Thủy sản và dịch vụ môi trường Tiên Lăng	137.768.000	74.472.000
Hợp tác xã dịch vụ nước sạch Gia Hưng	98.528.000	40.798.000
Công ty Cổ phần Tân Sơn	85.307.000	43.980.000
Các đối tượng khác	55.746.000	86.868.000
Cộng	377.349.000	246.118.000

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Tư vấn thiết kế và xây dựng Hải Thành	646.000.000	-
Công ty Cổ phần Hepco	2.040.000.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Thế Hân	5.340.000.000	-
Công ty Tư vấn thiết kế công trình xây dựng Hải Phòng	270.000.000	-
Trung tâm đào tạo và tư vấn khoa học công nghệ bảo vệ môi trường thủy	50.000.000	-
Viện khai thác tài nguyên nước	50.000.000	-
Các đối tượng khác	-	8.918.000
Cộng	8.396.000.000	8.918.000

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	2.573.543.326	3.193.836.705
Cộng	2.573.543.326	3.193.836.705

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THUỖ LỢI TIỀN LĂNG**

Địa chỉ: Thị trấn Tiên Lăng, huyện Tiên Lãng, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	515.739.178	-	436.954.825	-
Công cụ, dụng cụ	114.425.814	-	127.525.793	-
Cộng	630.164.992	-	564.480.618	-

7. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cuối năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm VND	Số đầu năm VND
a. Các khoản phải thu Nhà nước	32.305.858	59.149.909	24.977.570	66.478.197
Thuế giá trị gia tăng	32.305.858	59.149.909	24.977.570	66.478.197
Cộng				
b. Các khoản phải nộp Nhà nước	16.744.600	40.381.400	23.636.800	-
Thuế thu nhập cá nhân	70.910.629	70.910.629	58.570.594	58.570.594
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.254.725	12.192.000	9.344.085	4.406.810
Thuế tài nguyên	-	103.882.000	103.882.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế môn bài	-	3.501.322	3.501.322	-
Phí lệ phí và các khoản phải nộp khác				
Cộng	94.909.954	233.867.351	201.934.801	62.977.404

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THUỖ LỢI TIỀN LĂNG**

Địa chỉ: Thị trấn Tiên Lăng, huyện Tiên Lăng, TP. Hải Phòng

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu năm	134.294.788.653	3.715.886.800	1.552.089.454	125.137.000	139.687.901.907
Đầu tư XDCB hoàn thành	35.983.337.505	-	-	-	35.983.337.505
Giảm theo văn bản thẩm tra, quyết toán	(588.373.103)	-	-	-	(588.373.103)
Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận	-	-	-	(125.137.000)	(125.137.000)
Tại ngày cuối năm	169.689.753.055	3.715.886.800	1.552.089.454	-	174.957.729.309
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu năm	17.178.641.527	1.943.433.027	830.893.454	125.137.000	20.078.105.008
Khấu hao trong năm	1.114.802.250	87.380.250	103.028.000	-	1.305.210.500
Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận	-	-	-	(125.137.000)	(125.137.000)
Tại ngày cuối năm	18.293.443.777	2.030.813.277	933.921.454	-	21.258.178.508
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	117.116.147.126	1.772.453.773	721.196.000	-	119.609.796.899
Tại ngày cuối năm	151.396.309.278	1.685.073.523	618.168.000	-	153.699.550.801

Nguyên giá Tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 4.564.898.454 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 4.462.226.454 đồng).

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIỀN LĂNG**

Địa chỉ: Thị trấn Tiên Lăng, huyện Tiên Lăng,
TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(TIẾP THEO)**

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền tư vấn khảo sát địa chất, phỏng vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nâng cấp hệ thống Thủy lợi phân vùng tưới tiêu Nam sông mới (lần 1)	100.000.000	100.000.000
Công trình khác	4.126.383	4.126.383
Cộng	104.126.383	104.126.383

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	79.046.472	75.631.584
Chi phí trả trước khác	20.444.444	-
Cộng	99.490.916	75.631.584

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI TIỀN LĂNG**

Địa chỉ: Thị trấn Tiên Lăng, huyện Tiên Lăng,
TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(TIẾP THEO)**

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Sửa chữa kênh xây sau TB cách bể xả 270M	-	178.908.000
Thay cánh van thép cổng Tiên Cựu	-	101.775.000
Kênh xây tuyến Tử Đồi cách bể xả 130m trạm bơm Đông Xuyên Ngoại	-	261.405.000
Sửa chữa kênh xây sau TB cách bể xả 130M TB Tuần Tiến	-	258.665.000
Xây dựng cải tạo nâng cấp kênh xây TB Nghĩa Trang	-	391.742.756
Xây dựng cải tạo nâng cấp kênh xây TB Tử Đồi	-	427.416.694
Xây dựng cải tạo nâng cấp kênh xây TB Phương Lai	-	428.091.124
Xây dựng cải tạo nâng cấp kênh xây TB Xuân Trại	-	426.137.176
Xây dựng cải tạo nâng cấp kênh xây TB Hòa Bình	-	423.747.861
Sửa chữa giàn van cổng Kim Đới Trong	-	42.206.000
Thay cánh van thép đập số 7	-	57.452.000
Xây tường hoành triệt cửa chia nước TB Sinh Đan	-	5.143.000
Kênh xây cứng sau TB cách bể xả 870M TB Triều Đông	-	99.467.000
Xây mới nâng cấp kênh xây sau TB khu 4	376.523.600	-
Xây mới nâng cấp kênh xây sau TB Trung Lăng	381.857.200	-
Xây mới nâng cấp kênh xây sau TB Sinh Đường	806.275.200	-
Xây mới nâng cấp kênh xây sau TB Hoàng Lỗ	1.507.596.800	-
Xây mới nâng cấp kênh xây sau TB Dương Áo	869.307.200	-
Xây mới nâng cấp kênh xây sau TB Đồng Đồn	577.443.600	-
Xây mới nâng cấp kênh xây sau TB Đồng Dầu	649.034.800	-
Xây mới nâng cấp kênh xây sau TB Đồng Đá	813.524.400	-
Xây mới nâng cấp kênh xây sau TB Chính Nghị	1.282.732.000	-
Xây mới nâng cấp kênh xây sau TB An Thạch	672.090.400	-
Nạo vét đắp bờ kênh - kênh Cổng Nẻ (tuyến xóm 6)	68.564.500	-
Nạo vét đắp bờ kênh - kênh cổng đường vàng (kênh khu 3)	118.208.000	-
Sửa chữa kênh xây sau trạm bơm - TB Xa Đồng	145.875.000	-
Sửa chữa kênh xây sau bể xả TB Thanh Lan	89.182.791	-
Cộng	8.358.215.491	3.102.156.611

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TIỀN LĂNG**

Địa chỉ: Thị trấn Tiên Lăng, huyện Tiên Lăng,
TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	113.469.161.671	114.626.996	113.583.788.667
Vốn góp tăng trong năm (*)	100.617.353.000	-	100.617.353.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	228.817.902	228.817.902
Phân phối lợi nhuận	-	(114.626.996)	(114.626.996)
Giảm trong năm	(3.052.000)	-	(3.052.000)
Số dư cuối năm trước	214.083.462.671	228.817.902	214.312.280.573
Vốn góp tăng trong năm	23.322.074.505	-	23.322.074.505
Lợi nhuận tăng trong năm	-	280.141.196	280.141.196
Phân phối lợi nhuận	-	(228.817.902)	(228.817.902)
Giảm trong năm	(580.851.284)	-	(580.851.284)
Số dư cuối năm nay	236.824.685.892	280.141.196	237.104.827.088

(*) Tăng vốn từ nhận bàn giao tài sản cố định.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thủy lợi phí	27.107.000.000	26.310.539.000
Doanh thu cung cấp nước thô	538.695.238	437.045.541
Cộng	27.645.695.238	26.747.584.541

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thủy lợi phí	32.171.656.259	27.929.053.438
Cộng	32.171.656.259	27.929.053.438

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.847.547.066	3.429.491.982
Cộng	6.847.547.066	3.429.491.982

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC
CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI TIỀN LĂNG**

Địa chỉ: Thị trấn Tiên Lăng, huyện Tiên Lăng,
TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương nhân viên quản lý	1.410.546.069	1.143.620.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	96.467.230	93.266.236
Chi phí khấu hao TSCĐ	231.023.000	231.023.000
Thuế, phí, lệ phí	106.882.000	106.882.000
Chi phí khác bằng tiền	413.020.960	444.205.588
Cộng	2.257.939.259	2.018.996.824

5. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ bán phế liệu	289.906.361	63.826.707
Thu nhập khác	1.000.000	-
Cộng	290.906.361	63.826.707

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	351.051.825	287.388.496
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	3.501.322	5.464.472
Các khoản phạt chậm nộp bảo hiểm, phạt chậm nộp thuế	3.501.322	5.464.472
Tổng thu nhập chịu thuế	354.553.147	292.852.968
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	70.910.629	58.570.594

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	484.332.903	611.527.066
Chi phí nhân công	15.729.071.966	13.833.186.279
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.305.210.500	1.493.426.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.343.828.664	12.495.010.070
Chi phí khác bằng tiền	1.567.151.485	1.514.900.847
Cộng	34.429.595.518	29.948.050.262

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Thu nhập của Chủ tịch Công ty, Ban Tổng Giám đốc

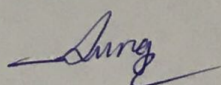
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và phụ cấp của Chủ tịch công ty và Ban Tổng Giám đốc	841.932.000	804.000.000
Cộng	841.932.000	804.000.000

2. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

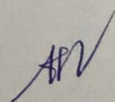
3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán, sau đó tiếp tục được điều chỉnh bổ sung theo văn bản số 6732/UBND- DN ngày 19 tháng 10 năm 2018 Của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và theo Biên bản thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2017 của Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng.



Nguyễn Thị Thủy Dung
Người lập biểu

Ngày 26 tháng 06 năm 2019



Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hải
Chủ tịch Công ty